

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **46** /2015/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày **31** tháng 12 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 1610/TTr-STNMT ngày 10/12/2015),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 27/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: HC, KT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Thành Trí*



## QUY ĐỊNH

Về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm  
và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

### Chương II BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

#### Điều 3. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi gia súc tập trung

1. Vị trí, địa điểm
  - a) Vị trí xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc phải phù hợp quy hoạch, trường hợp chưa có quy hoạch thì phải được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.
  - b) Khoảng cách từ cơ sở chăn nuôi gia súc đến trường học, bệnh viện, công sở, cơ sở tôn giáo, khu dân cư, chợ, đường giao thông chính như Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, nguồn nước mặt tối thiểu là 100m.
  - c) Nơi xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc phải có nguồn nước sạch và đủ trữ lượng cho chăn nuôi, đảm bảo điều kiện xử lý chất thải theo quy định.
2. Yêu cầu về xử lý chất thải
  - a) Các cơ sở chăn nuôi bắt buộc phải có hệ thống xử lý chất thải trong quá trình chăn nuôi.
  - b) Nền chuồng phải đảm bảo không trơn trượt và phải có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn, có độ dốc từ 3 - 5% đối với chuồng nền. Đường thoát nước thải từ

chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải kín, đảm bảo dễ thoát nước và không trùng với đường thoát nước khác.

c) Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng nhiệt, hóa chất hoặc bằng chế phẩm sinh học phù hợp. Chất thải rắn trước khi thải ra môi trường phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định pháp luật thú y hiện hành. Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó dịch bệnh.

d) Xác vật nuôi chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

đ) Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Chất thải lỏng phải được xử lý bằng hóa chất hoặc bằng phương pháp xử lý sinh học phù hợp như hầm ủ, túi ủ biogas, ao sinh học. Nước thải sau khi xử lý, thải ra môi trường phải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo QCVN 01-14:2010/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn (heo) an toàn sinh học và QCVN 40:2011/BTNMT - cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

e) Đảm bảo chất lượng không khí xung quanh theo QCVN 05:2013/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

#### **Điều 4. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi gia cầm tập trung**

##### **1. Vị trí, địa điểm**

a) Địa điểm xây dựng cơ sở chăn nuôi gia cầm phải phù hợp quy hoạch, trường hợp chưa có quy hoạch thì phải được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

b) Cơ sở chăn nuôi gia cầm phải xây dựng cách biệt, cách xa bệnh viện, trường học, chợ, công sở, khu dân cư đông người, đường giao thông chính như Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện với khoảng cách tối thiểu là 100m.

##### **2. Yêu cầu về xử lý chất thải**

a) Khu xử lý chất thải phải được bố trí phía cuối trại, ở địa thế thấp nhất của trại chăn nuôi; phải có đủ diện tích và điều kiện để xử lý chất thải rắn, nước thải và gia cầm chết.

b) Có nhà ủ phân, nền được làm bằng nguyên vật liệu chắc chắn, được chia thành các ô; phân gia cầm được thu gom chuyển về nhà chứa phân, phân được đánh đống ủ theo phương pháp nhiệt sinh học hoặc phương pháp tiêu độc khử trùng trước khi sử dụng vào mục đích khác.

c) Rãnh thu gom nước thải chăn nuôi (nếu có) phải có độ dốc rãnh khoảng 3 - 5%, có nắp đậy kín và phải được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi đổ ra bên ngoài.

d) Bố trí lò thiêu xác gia cầm hoặc hầm tiêu hủy gia cầm trong khu xử lý chất thải cách xa tối thiểu 20m đối với giếng nước, nguồn nước mặt và chuồng nuôi.

đ) Tổng diện tích và cơ cấu diện tích giữa các khu phải phù hợp với công suất thiết kế của cơ sở, tránh tình trạng quá tải dễ gây nhiễm bẩn và khó khăn trong quá trình sản xuất, làm sạch và kiểm tra.

e) Chất thải rắn phải được xử lý các mầm bệnh trước khi sử dụng vào mục đích khác. Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ, bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

g) Xác vật nuôi chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh thú y.

h) Chất thải lỏng từ hoạt động chăn nuôi trước khi thải ra môi trường phải được xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo QCVN 01-15:2010/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện đảm bảo trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học và QCVN 40:2011/BTNMT - cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

i) Đảm bảo chất lượng không khí xung quanh theo QCVN 05:2013/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

## **Điều 5. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung**

### **1. Vị trí, địa điểm**

Cơ sở, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung phải nằm trong vùng quy hoạch hoặc có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền và tuân thủ các quy định về nuôi trồng thủy sản của địa phương.

### **2. Yêu cầu về xử lý chất thải**

a) Nước từ ao xử lý nước thải của cơ sở nuôi trồng thủy sản chỉ được xả ra môi trường xung quanh khi bảo đảm giá trị của các thông số quy định tại Bảng 2 - Phụ lục 1 QCVN 02-19:2014/BNNPTNT, Bảng 2 - Phụ lục 1 QCVN 02-20:2014/BNNPTNT và QCVN 40:2011/BTNMT - cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b) Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải có khu chứa bùn thải đảm bảo xử lý hết lượng bùn thải sau mỗi đợt nuôi, khu chứa bùn thải có bờ ngăn không để bùn và nước từ bùn thoát ra môi trường xung quanh.

c) Cơ sở, vùng nuôi trồng thủy sản phải có kênh cấp và thoát nước chắc chắn, không rò rỉ; đảm bảo đủ cấp và thoát nước theo quy trình và quy chuẩn quy định.

d) Ao xử lý nước thải có diện tích tối thiểu 10% tổng diện tích ao nuôi; bờ ao chắc chắn, bảo đảm không bị rò rỉ, sạt lở và xói mòn.

đ) Rác thải trong sinh hoạt, bao bì của các sản phẩm sử dụng trong cơ sở nuôi trồng thủy sản phải được cho vào thùng chứa có nắp đậy và thuê đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định. Trường hợp không có đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý thì cơ sở nuôi trồng thủy sản tự xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

## **Điều 6. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường**

1. Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung có quy mô chuồng trại từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản có diện tích mặt nước từ 10 ha trở lên, riêng các dự án nuôi quảng canh từ 50 ha trở lên phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Phụ lục 2.2 và 2.3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại; hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 6 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

Hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng để được xem xét, tổ chức thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các công việc sau:

a) Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

b) Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án không thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c, và d Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

## **Điều 7. Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường**

1. Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 50 m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>; cơ sở nuôi trồng thủy sản có diện tích mặt nước từ 0,5 ha đến dưới 10 ha, riêng các dự án nuôi quảng canh từ 0,5 ha đến dưới 50 ha phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Phụ lục 5.4, 5.5 và 5.6 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 33 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để xác nhận theo quy định. Trường hợp dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản nằm trên địa bàn từ 02 huyện trở lên (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014) thì nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng để xác nhận theo quy định.

3. Chủ dự án, chủ cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

### Chương III

## QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

**Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các chủ trương, giải pháp về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

b) Tổ chức thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản theo quy định.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh trong việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định các dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

c) Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn sinh học và nuôi trồng thủy sản bền vững theo điều kiện cụ thể của địa phương.

d) Phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện Quy định này.

4. Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, các biện pháp phòng

chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và lây nhiễm qua người đối với các cơ sở chăn nuôi và cộng đồng dân cư.

5. Công an tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sóc Trăng có trách nhiệm phối hợp các sở, ngành liên quan làm tốt công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường; xây dựng các chuyên mục bảo vệ môi trường; phát hiện và nêu gương các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân điển hình tích cực có các mô hình tốt trong công tác bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản; đồng thời, phê phán các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể thực hiện tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện Quy định này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm

a) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Công bố công khai quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản tại địa phương, nơi có quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

c) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các chủ cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản theo quy định.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc chấp hành Quy định này; xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền,

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã

- Giám sát, kiểm tra, xây dựng, phát triển cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Quản lý các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thuộc vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.



- Tăng cường kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn, không cho phép xây dựng các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản ở các vùng không quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Công bố, công khai quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Hòa giải các tranh chấp về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải.

#### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai và hướng dẫn Quy định này đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản phải chấp hành nghiêm Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các Bộ, ngành Trung ương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định tại các Điểm đ và e Khoản 2 Điều 3, Điểm h và i Khoản 2 Điều 4, Điểm a Khoản 2 Điều 5 Quy định này thì áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường đề tổng hợp, nghiên cứu và có ý kiến đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Thành Lợi*



**Phụ lục 1**

**YÊU CẦU ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI LỢN (HEO)  
THEO QCVN 01-14:2010/BNNPTNT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC  
GIẢ ĐIỀU KIỆN TRẠI CHĂN NUÔI LỢN (HEO) AN TOÀN SINH HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2015/QĐ-UBND ngày 31 /12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Phương pháp thử
1	Coliform tổng số	MPN/100ml	5000	TCVN 6187-1996 (ISO 9308-1990)
2	Coli phân	MPN/100ml	500	TCVN 6187-1996 (ISO 9308-1990)
3	Salmonella	MPN/50ml	Không phát hiện	SMEWW 9260B



**Phụ lục 2**

**YÊU CẦU ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI GIA CẦM  
THEO QCVN 01-15:2010/BNNPTNT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
ĐIỀU KIỆN TRẠI CHĂN NUÔI GIA CẦM AN TOÀN SINH HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2015/QĐ-UBND ngày 31 /12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giới hạn tối đa</b>	<b>Phương pháp thử</b>
<b>1</b>	<b>Coliform tổng số</b>	<b>MPN/100ml</b>	<b>5000</b>	<b>TCVN 6187-1996 (ISO 9308-1990)</b>
<b>2</b>	<b>Coli phân</b>	<b>MPN/100ml</b>	<b>500</b>	<b>TCVN 6187-1996 (ISO 9308-1990)</b>
<b>3</b>	<b>Salmonella</b>	<b>MPN/50ml</b>	<b>Không phát hiện</b>	<b>SMEWW 9260B</b>

**Phụ lục 3**

**YÊU CẦU ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI TỪ AO NUÔI CÁ TRA  
THEO QCVN 02-20:2014/BNNPTNT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA TRONG AO - ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỆ SINH  
THÚ Y, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN SINH HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị cho phép
1	pH		5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	≤ 50
3	COD	mg/l	≤ 150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 100
5	Coliform	MPN /100ml	≤ 5.000

**Phụ lục 4**



**YÊU CẦU ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI TỪ AO XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CỦA AO NUÔI TÔM  
THEO QCVN 02 - 19:2014/BNNPTNT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC  
GIA VỀ CƠ SỞ NUÔI TÔM NƯỚC LỢ - ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỆ SINH  
THUY Y, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị cho phép
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	≤ 50
3	COD	mg/l	≤ 150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 100
5	Coliform	MPN /100ml	≤ 5.000



### Phụ lục 5

## QCVN 05:2013/BTNMT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Microgam trên mét khối ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ )

TT	Thông số	Trung bình 1 giờ	Trung bình 8 giờ	Trung bình 24 giờ	Trung bình năm
1	SO <sub>2</sub>	350	-	125	50
2	CO	30.000	10.000	-	-
3	NO <sub>2</sub>	200	-	100	40
4	O <sub>3</sub>	200	120	-	-
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	300	-	200	100
6	Bụi PM <sub>10</sub>	-	-	150	50
7	Bụi PM <sub>2,5</sub>	-	-	50	25
8	Pb	-	-	1,5	0,5

Ghi chú: (-) không quy định



### Phụ lục 6

## QCVN 26:2010/BTNMT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TIẾNG ÒN

(Theo mức âm tương đương), dBA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2015/QĐ-UBND ngày 31 /12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

TT	Khu vực	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

#### Ghi chú:

- Khu vực đặc biệt: Những khu vực trong hàng rào của các cơ sở y tế, thư viện, nhà trẻ, trường học, nhà thờ, đình, chùa,...

- Khu vực thông thường: Bao gồm khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính.



Phụ lục 7

**QCVN 40:2011/BTNMT QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	Mg/l	30	50
5	COD	Mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	Mg/l	50	100
7	Asen	Mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	Mg/l	0,005	0,01
9	Chì	Mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	Mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo.N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40



TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0	1,0

Trong đó:

- Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận nước thải được xác định tại khu vực tiếp nhận nước thải./.